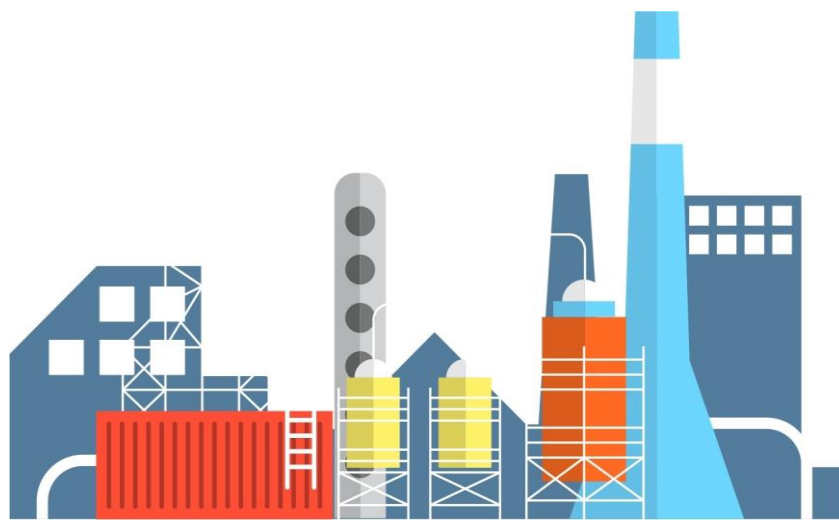




TỔNG CỤC THỐNG KÊ
CỤC THỐNG KÊ QUẢNG NAM

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2022



Quảng Nam, tháng 7 năm 2022

BÁO CÁO

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI

THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

Tình hình phát triển kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2022 trên địa bàn tỉnh Quảng Nam tiếp tục có nhiều khởi sắc trên hầu hết các lĩnh vực. Sơ bộ đánh giá đạt được những kết quả quan trọng như sau:

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản trong tháng tập trung chủ yếu vào chăm sóc lúa Mùa và các loại cây hàng năm khác; chăn nuôi gia súc, gia cầm tiếp tục phục hồi và phát triển, dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, không có phát sinh mới; công tác quản lý, bảo vệ rừng và phòng cháy chữa cháy rừng được tăng cường. Tuy nhiên, các tháng gần đây giá xăng dầu liên tục tăng mạnh, khiến nghề khai thác thủy sản gặp nhiều khó khăn.

1.1. Sản xuất nông nghiệp

*** Trồng trọt:**

Vụ Mùa năm nay chịu ảnh hưởng của thời tiết diễn biến khá phức tạp, nắng nóng, khô hạn kéo dài; tuy nhiên với nhiều biện pháp chủ động ngay từ đầu Vụ nên nguồn nước tưới tiêu cơ bản đảm bảo, cây trồng sinh trưởng và phát triển tốt. Tính đến ngày 15/7/2022, toàn tỉnh gieo cấy được 41,2 nghìn ha lúa Mùa, bằng 100,4% (+154 ha) so cùng kỳ năm 2021. Hiện nay, cây lúa đang bước vào giai đoạn đẻ nhánh, đứng cái, làm đòng.

Tình hình dịch bệnh và các tác nhân gây hại đến cây lúa: chuột gây hại đánh trên lúa giai đoạn đứng cái, làm đòng chủ yếu ở một số địa phương¹, diện tích nhiễm 141 ha; sâu cuốn lá nhỏ, rầy nâu, rầy lưng trắng gây hại rải rác trên các trà lúa chính vụ ở hầu hết các địa phương (5 ha); bệnh khô vằn gây hại trên chân ruộng sạ dày (171 ha); bệnh đốm sọc gây hại cục bộ tại Đại Lộc (0,5 ha); bệnh đạo ôn lá gây hại cục bộ trên những chân ruộng bón thừa đạm (1,5 ha). Ngoài ra, các đối tượng như ốc bươu vàng, ruồi đục nõn, sâu keo,... gây hại rải rác ở các địa phương. Ngành nông nghiệp cùng chính quyền các địa phương thường xuyên khuyến cáo nông dân tích cực thăm đồng để kịp thời phát hiện và phòng trừ hiệu quả những loại dịch bệnh có nguy cơ phát sinh mạnh trên ruộng lúa.

Kết quả sản xuất một số cây hàng năm khác tính đến giữa tháng 7/2022 như sau: gieo trồng được gần 11,1 nghìn ha ngô, tăng 0,6% (+65 ha) so cùng kỳ năm trước; khoai lang 2,2 nghìn ha (+0,7%; +16 ha); lạc 9,4 nghìn ha (+2,4%;

¹ Điện Bàn, Đại Lộc, Duy Xuyên, Nông Sơn, Tiên Phước.

+221 ha); rau các loại 11,1 nghìn ha (+0,5%; +57 ha); đậu các loại 5 nghìn ha (-0,3%; -14 ha)...

*** Chăn nuôi:**

Thị trường tiêu thụ sản phẩm tương đối ổn định cùng với công tác kiểm soát, khống chế kịp thời các loại dịch bệnh trên đàn vật nuôi, nên thời gian gần đây hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh từng bước phục hồi và phát triển. Ước tính đàn trâu hiện nay có gần 59,9 nghìn con (+0,6%; +380 con) so với cùng thời điểm năm trước; đàn bò 174,2 nghìn con (+0,8%; +1,4 nghìn con); tổng đàn lợn đạt 317,1 nghìn con (+0,3%; +1,1 nghìn con). Tổng đàn gia cầm ước đạt 8,8 triệu con (+2,8%; +240 nghìn con), trong đó đàn gà trên 7,2 triệu con (+2,6%; +180 nghìn con) so với cùng thời điểm năm 2021.

Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, sản lượng thịt trâu hơi xuất chuồng đạt gần 1,3 nghìn tấn (+5,4%; +65 tấn) so với cùng kỳ năm trước; sản lượng thịt bò hơi xuất chuồng đạt gần 6,2 nghìn tấn (+6,1%; +358 tấn); sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 13,1 nghìn tấn (+5,5%; +682 tấn). Sản lượng thịt gia cầm hơi xuất chuồng đạt 12,1 nghìn tấn (+4,3%; +494 tấn), trong đó sản lượng thịt gà 10,4 nghìn tấn (+8,0%; +769 tấn). Sản lượng trứng gia cầm 147,5 triệu quả (+4,3%; +6,1 triệu quả), trong đó trứng gà 64,5 triệu quả (+5,4%; +3,3 triệu quả).

Nhờ công tác thông tin tuyên truyền và triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh trên đàn gia súc, gia cầm, tính đến nay các dịch bệnh lớn như: dịch tả lợn Châu Phi, bệnh viêm da nổi cục, dịch cúm gia cầm đã được kiểm soát, không có phát sinh mới.

1.2. Lâm nghiệp

Thời tiết từ đầu năm đến nay tương đối thuận lợi cho hoạt động trồng và chăm sóc rừng. Diện tích rừng trồng mới tập trung 7 tháng đầu năm ước đạt trên 4 nghìn ha, tăng 4,8% (+187 ha) so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt gần 4,1 triệu cây (+5,4%; +208 nghìn cây). Sản lượng gỗ khai thác 7 tháng đầu năm 2022 ước đạt 973,4 nghìn m³ (+5,2%; +47,7 nghìn m³) do thị trường tiêu thụ sản phẩm gỗ được mở rộng; sản lượng củi khai thác ước đạt 293,5 nghìn ste (+0,4%; +1,1 nghìn ste) so với cùng kỳ năm 2021.

Hiện nay, thời tiết đang chuyển vào giai đoạn nắng nóng cao điểm với nền nhiệt ở mức tương đối cao, gia tăng nguy cơ xảy ra cháy rừng ở hầu hết các khu vực trên địa bàn tỉnh, nhất là các vùng trọng điểm. Các ban ngành, đoàn thể thường xuyên phối hợp lực lượng kiểm lâm đẩy mạnh tuyên truyền, giáo dục pháp luật nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của cán bộ, nhân dân trong PCCCR. Tính từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 04 vụ cháy rừng² gây thiệt hại 0,6 ha và 14 vụ phá rừng trái pháp luật, diện tích thiệt hại 9,8 ha, giảm 10 vụ phá rừng so với cùng kỳ năm trước.

1.3. Thủy sản

Tổng sản lượng thủy sản trong tháng 7/2022 ước đạt 10,2 nghìn tấn (-1,5%; -151 tấn) so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2022, sản lượng

² Xã Tam Tiến huyện Núi Thành 02 vụ, xã Tam Phú và xã Tam Thăng, thành phố Tam Kỳ 02 vụ.

thủy sản đạt gần 79,2 nghìn tấn (+2,3%; +1,8 nghìn tấn); bao gồm: sản lượng cá đạt gần 54,1 nghìn tấn (+3,5%; +1,8 nghìn tấn); sản lượng tôm đạt trên 10,8 nghìn tấn (-0,8%; -89 tấn); thủy sản khác đạt 14,3 nghìn tấn (+0,5%; +74 tấn).

Sản lượng khai thác thủy sản biển phong phú, đa dạng nhất là cá hô, cá trích, cá nục, cá ngừ, mực nang xuất hiện ở các ngư trường. Ước tính sản lượng khai thác thủy sản tháng 7 đạt 8,8 nghìn tấn, giảm 2,2% (-201 tấn) so với cùng kỳ năm trước, do những tháng gần đây ảnh hưởng giá xăng dầu tăng cao, nhiều tàu cá hoạt động cầm chừng. Cộng dồn 7 tháng năm 2022, sản lượng thủy sản khai thác ước đạt trên 63 nghìn tấn (+2,7%; +1,6 nghìn tấn); bao gồm sản lượng cá đạt 48,7 nghìn tấn (+3,3%; +1,6 nghìn tấn); tôm đạt 0,7 nghìn tấn (+0,3%; +2 tấn); thủy sản khác đạt trên 13,8 nghìn tấn (+0,5%; +64 tấn).

Cả tỉnh có 05 cơ sở được cấp Giấy chứng nhận (GCN) cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu thuyền theo quy định tại Nghị định số 26/2019/NĐ-CP; trong đó: 04 cơ sở đóng tàu vỏ gỗ đã được Sở NN-PTNT cấp GCN; 01 cơ sở đóng tàu vỏ thép được Tổng cục Thủy sản cấp GCN.

Diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh hiện có trên 5,4 nghìn ha, tăng 3,1% (+164 ha) so với cùng kỳ năm 2021, trong đó: diện tích nuôi cá gần 1,9 nghìn ha³ (+5,7%; +101 ha); tôm nuôi 2,7 nghìn ha (+2,1%; +55 ha); thủy sản khác 0,9 nghìn ha (+0,9%; +8 ha). Tổng sản lượng nuôi trồng thủy sản 7 tháng năm 2022 ước đạt 16 nghìn tấn (+1,0%; +162 tấn) so với cùng kỳ năm trước, bao gồm cá 5,4 nghìn tấn (+4,7%; +243 tấn); tôm 10,1 nghìn tấn (-0,9%; -91 tấn); thủy sản khác 0,5 nghìn tấn (+2,1%; +10 tấn).

Trong những tháng đầu năm 2022, bệnh trên tôm nuôi xảy ra gây thiệt hại về kinh tế cho người nuôi, nhất là bệnh do virus gây ra làm tôm chết rất nhanh. Diện tích tôm bị bệnh 270 ha; trong đó bệnh do virus đốm trắng 25,9 ha; bệnh hoại tử gan tụy cấp (5,8 ha); bệnh do thay đổi các yếu tố môi trường (96 ha). Ngoài ra, diện tích cá bị nhiễm khuẩn do streptococcus là 04 ha, diện tích cá chết do môi trường là 01 ha.

2. Tài chính, ngân hàng

Trong thời gian qua, các chính sách, miễn, giảm, gia hạn nộp thuế của Quốc hội, Chính phủ được ngành Thuế trên địa bàn tỉnh triển khai kịp thời, phát huy tác dụng; đồng thời hoạt động sản xuất kinh doanh của người dân, doanh nghiệp được phục hồi. Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh tháng 7 và 7 tháng năm 2022 tăng cao so với cùng kỳ năm trước. Chi ngân sách nhà nước đảm bảo các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, quản lý nhà nước; đảm bảo an sinh xã hội;...

Tổng thu ngân sách nhà nước tính đến thời điểm ngày 25/7/2022 hơn 20,7 nghìn tỷ đồng, đạt 87,5% so với dự toán năm, tăng 43% so với cùng kỳ năm 2021; trong đó thu nội địa đạt gần 15,4 nghìn tỷ đồng (bằng 81% so với dự toán năm; +32,3%); thu cân đối hoạt động xuất nhập khẩu hơn 5,3 nghìn tỷ đồng, tăng 85,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong thu nội địa, thu từ khu vực doanh nghiệp

³ Không tính trên 3.200 ha diện tích thả nuôi cá nước ngọt nhằm bảo vệ nguồn lợi thủy sản trên hồ đập Phú Ninh.

nhà nước đạt gần 514 tỷ đồng, bằng 70,4% dự toán năm, tăng 10% so với cùng kỳ năm trước; thu từ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt gần 716 tỷ đồng (bằng 47,7%; -7,6%); thu từ khu vực công, thương nghiệp ngoài quốc doanh đạt hơn 11,2 nghìn tỷ đồng (bằng 92,5%; +50,8%);... Tổng chi ngân sách nhà nước tính đến thời điểm 25/7/2022 gần 12,2 nghìn tỷ đồng, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước; trong đó chi thường xuyên đạt gần 7,3 nghìn tỷ đồng (+4,6%); chi đầu tư phát triển đạt gần 4,9 nghìn tỷ đồng (+6,6%).

Với sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế, hoạt động du lịch dịch vụ, sản xuất kinh doanh dần đi vào quỹ đạo, cùng với những chính sách hỗ trợ của Nhà nước, thị trường tiền tệ có sự chuyển biến theo hướng tích cực. Nguồn vốn huy động và dư nợ cho vay tại các ngân hàng thương mại trên địa bàn liên tục tăng đều và ổn định qua từng tháng so với đầu năm và cùng kỳ năm trước.

Ước đến cuối tháng 7/2022, dư nợ cho vay của các tổ chức tín dụng trên địa bàn đạt gần 91,9 nghìn tỷ đồng, tăng 2,5% so với đầu tháng và tăng 10,2% so với đầu năm; trong đó tín dụng ngắn hạn đạt 50,2 nghìn tỷ đồng (+3,8%; +14%), tín dụng trung dài hạn đạt hơn 41,6 nghìn tỷ đồng (+1%; +5,9%). Hoạt động huy động vốn được cải thiện so với tháng 6/2022, ước đến cuối tháng 7/2022, nguồn vốn huy động tại địa bàn đạt hơn 75 nghìn tỷ đồng, tăng 1,7% so với đầu tháng, tăng gần 12% so với đầu năm.

Kết quả hỗ trợ của các Ngân hàng thương mại theo quy định tại Thông tư 01/2020/TT-NHNN, Thông tư 03/2021/TT-NHNN và Thông tư 14/2021/TT-NHNN của NHNN như sau: tổng giá trị nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi trên 4,5 nghìn tỷ đồng cho 1.700 khách hàng; trong khả năng tài chính, các ngân hàng thực hiện giảm lãi suất cho vay, đồng thời đơn giản hóa thủ tục để tạo điều kiện cho khách hàng tiếp cận nguồn vốn phục hồi sản xuất kinh doanh. Đến nay, doanh số cho vay mới đạt hơn 62 nghìn tỷ đồng cho 6.778 khách hàng. Hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do dịch Covid theo Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 và Quyết định 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021. Đến nay, chính sách cho vay của Ngân hàng chính sách xã hội trên địa bàn tỉnh là 640 triệu đồng cho 04 doanh nghiệp trả lương cho lao động bị ngừng việc (Hiệp Đức 01 và Tam Kỳ 03).

3. Đầu tư và xây dựng

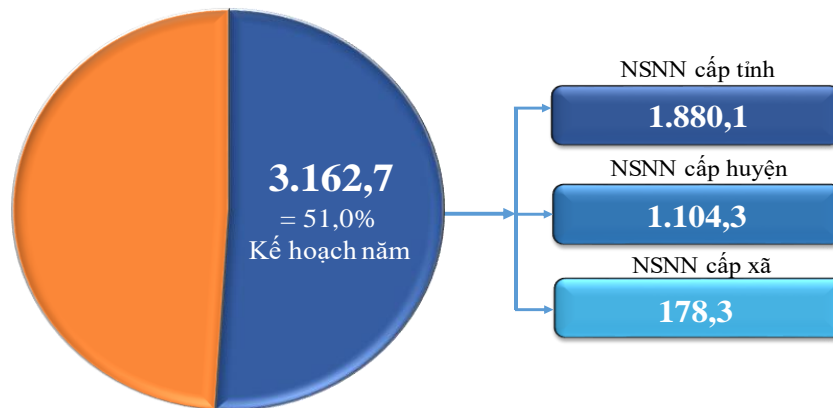
Tình hình thực hiện vốn đầu tư thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng 7/2022 dự báo có phần khởi sắc hơn so với các tháng đầu năm. Hầu hết các dự án, công trình chuyển tiếp từ năm trước cũng như công trình đã giao kế hoạch vốn đầu năm đang đẩy nhanh tiến độ thi công. Kế hoạch vốn được giao chi tiết hơn đến từng dự án, công trình cụ thể cho các cấp, các ngành, địa phương triển khai thực hiện kế hoạch vốn giao trong năm 2022 trên cơ sở danh mục dự án, công trình.

Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý tháng 7/2022 ước đạt gần 543 tỷ đồng; tăng 4,6% so với tháng trước và tăng 10,7% so với cùng kỳ. Trong đó vốn đầu tư thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện hơn 314 tỷ đồng (+4,0%, +8,6%); nguồn vốn đầu tư thuộc cấp huyện quản lý thực

hiện hơn 200 tỷ đồng (+5,8%, +14,2%) và nguồn vốn đầu tư thuộc cấp xã quản lý thực hiện 28,4 tỷ đồng (+2,4%, +9,4%).

Cộng dồn 7 tháng đầu năm 2022, vốn đầu tư thực hiện nguồn vốn ngân sách nhà nước do địa phương quản lý đạt gần 3,2 nghìn tỷ đồng, tăng 8,9% so với cùng kỳ và đạt 51% kế hoạch năm. Trong đó vốn đầu tư thuộc cấp tỉnh quản lý thực hiện đạt gần 1,9 nghìn tỷ đồng (+9,9%); vốn đầu tư thuộc cấp huyện quản lý ước thực hiện 1,1 nghìn tỷ đồng (+6%) và vốn cấp xã quản lý ước thực hiện 178,3 tỷ đồng (+17,8%) so với cùng kỳ.

**Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước
do địa phương quản lý (Tỷ đồng)**



Khối lượng vốn đầu tư thực hiện chủ yếu là công trình chuyển tiếp như: Đường nối từ ĐT 609C đến Quốc lộ 14B (Đại Lộc); Trung tâm Thể dục - thể thao Bắc Quảng Nam (Thị xã Điện Bàn); Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Hội An; Liên kết vùng miền Trung tỉnh Quảng Nam; Đường giao thông đến Trung tâm xã Trà Bui; Đường Tam Trà - Trà Kót (ĐT617 đi quốc lộ 40B); Bệnh viện Đa khoa tỉnh (hạng mục khu điều trị kỹ thuật cao); Đường trục chính từ khu công nghiệp Tam Thăng đi cảng Kỳ Hà và sân bay Chu Lai; Đường ĐH12.PN, đoạn từ ĐT615 đến Quốc lộ 40B (Phú Ninh); Dự án đường giao thông kết nối với các tiểu vùng sản xuất nông, lâm nghiệp với các Khu, Cụm Công nghiệp Quế Sơn (ĐH21QS); Đường giao thông từ QL 40B vào UBND Trà Leng; Trụ sở làm việc HĐND&UBND huyện Quế Sơn; Đường giao thông từ Đồng Nà đi Trà Quế (Hội An);...

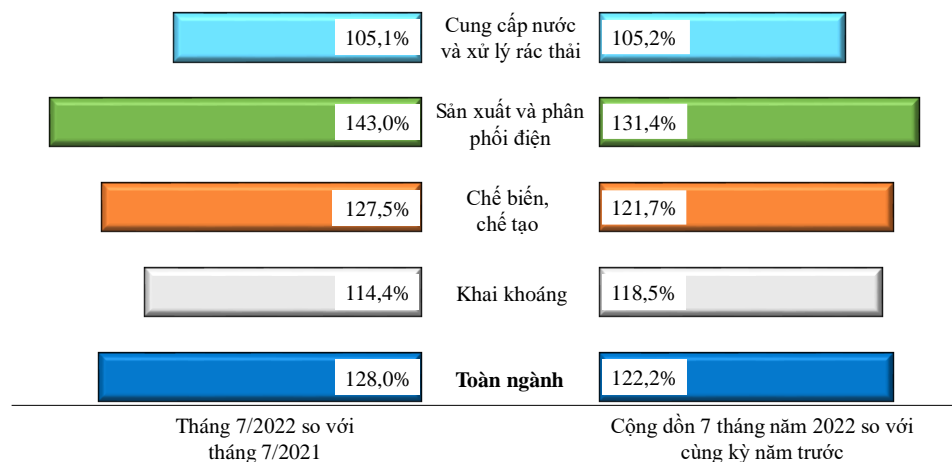
*** Tình hình giải ngân vốn ngân sách nhà nước:**

Theo số liệu Kho bạc Nhà nước tỉnh, tính đến ngày 30/6/2022, các dự án thuộc nguồn vốn ngân sách do địa phương quản lý đã giải ngân đạt 30,6% kế hoạch của năm 2022. Cụ thể: nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương (bao gồm cả vốn đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất, xổ số kiến thiết) đã giải ngân 38% kế hoạch, trong đó nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương cấp tỉnh quản lý giải ngân đạt 32,5%; cấp huyện quản lý giải ngân đạt 38,2%; cấp xã quản lý giải ngân đạt 64,7%. Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách trung ương giải ngân đạt 11%, trong đó vốn ngân sách trung ương đầu tư theo ngành, lĩnh vực đạt 10,7%.

4. Sản xuất công nghiệp

Hoạt động sản xuất ngành công nghiệp của tỉnh tiếp tục khởi sắc, góp phần làm cho chỉ số sản xuất công nghiệp các tháng đều duy trì mức tăng cao. Đặc biệt với vai trò chủ lực trong tăng trưởng toàn ngành công nghiệp, hoạt động sản xuất lắp ráp ô tô tiếp tục ổn định sản xuất sau khi Nghị định 103/2021/NĐ-CP về giảm thuế trước bạ cho xe ô tô lắp ráp trong nước hết hiệu lực. Bên cạnh đó, thị trường xuất khẩu đã ổn định trở lại thúc đẩy hoạt động sản xuất của các doanh nghiệp ngành may mặc và da giày tăng trưởng.

Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp



Chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp tháng 7/2022 ước tính tăng nhẹ gần 1,2% so tháng trước và tăng 28% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể tăng, giảm từng ngành tương ứng: khai khoáng (-7,5%; +11,4%); chế biến, chế tạo (+4,7%; +27,5%); sản xuất và phân phối điện (-27%; +43%); cung cấp nước và xử lý rác thải (+1,7%; +5,1%). Tính chung 7 tháng đầu năm 2022, chỉ số sản xuất ngành công nghiệp tăng 22,2% so với cùng kỳ năm trước; trong đó ngành khai khoáng (+18,5%); công nghiệp chế biến, chế tạo (+21,7%); sản xuất và phân phối điện (+31,4%); cung cấp nước và xử lý rác thải (+5,2%).

Một số ngành công nghiệp tiếp tục có chỉ số sản xuất 7 tháng năm 2022 tăng góp phần làm cho chỉ số sản xuất chung toàn ngành tăng so với cùng kỳ như: khai khoáng khác (+38,1%); sản xuất đồ uống (+24,4%); sản xuất da và các sản phẩm có liên quan (+220,6%); sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic (+96,9%); sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị) (+12,2%); sản xuất xe có động cơ (+36,9%); công nghiệp chế biến, chế tạo khác (+14,5%); khai thác, xử lý và cung cấp nước (+4,3%). Tuy nhiên, một số ngành công nghiệp có chỉ số sản xuất giảm như: khai thác than cứng và than non (-18,3%); sản xuất chế biến thực phẩm (-20,7%); dệt (-20,5%); sản xuất trang phục (-1,6%); chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (-35,6%); sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy (-13%); sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu (-10,1%); sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác (-4,8%); sản xuất sản phẩm điện tử (-8,2%).

Sản phẩm công nghiệp chủ yếu dự kiến tháng 7/2022 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: cát tự nhiên khác (+135,3%); phi lê cá và các loại thịt cá khác tươi,

ướp lạnh (+31,6%); mực đông lạnh (+41,8%); nước ngọt (+14,3%); giày, dép thể thao có mũ bằng da và có đế ngoài (+552%); ô tô các loại (+49,5%); điện sản xuất (+57,3%);... Một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ như: đá xây dựng khác (-30,2%); bia đóng chai (-52,1%); quần áo nghề nghiệp (-64,4%); ván ép từ gỗ và các vật liệu tương tự (-63,2%); thức ăn cho thủy sản (-21,2%); ghế khác có khung bằng gỗ (-47,9%);...

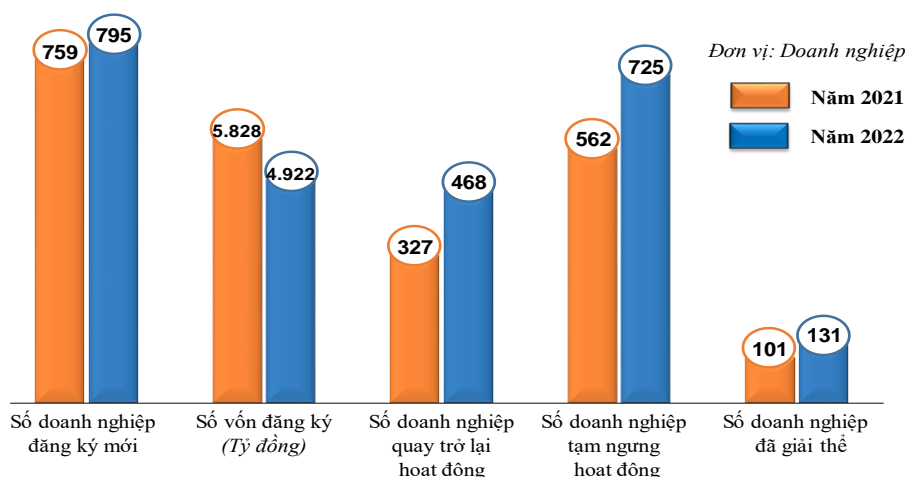
Một số sản phẩm công nghiệp chủ lực trong 7 tháng đầu năm 2022 tăng cao so với cùng kỳ năm trước: cát tự nhiên khác (+124,5%); cát trắng (+15,2%); nước ngọt (+24,5%); vải dệt thoi (+19,8%); bao và túi (+134,3%); ô tô các loại (+38,7%); điện sản xuất (+36%); con dấu (+14,5%); cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại (+53,8%);... Một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ: đá xây dựng khác (-11,5%); phi lê cá và các loại thịt cá khác tươi, ướp lạnh (-20%); mực đông lạnh (-10%); bia đóng chai (-11,8%); quần áo nghề nghiệp (-66,6%); bao và túi bằng giấy (-9,3%); ghế khác có khung bằng gỗ (-5,2%);...

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp ước tính tại thời điểm cuối tháng 7/2022 tăng gần 11,1% so với cùng thời điểm năm trước; trong đó lao động trong khu vực doanh nghiệp nhà nước (-44,8%); doanh nghiệp ngoài nhà nước (+19,3%); doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (+14,2%). Theo ngành hoạt động, số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp ngành khai khoáng (-4,9%); ngành chế biến, chế tạo (+12%); ngành sản xuất và phân phối điện (+4,3%); ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải (-3,6%).

5. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tình hình đăng ký doanh nghiệp trong tháng 7 và 7 tháng năm 2022 ghi nhận nhiều tín hiệu khởi sắc, số doanh nghiệp đăng ký và quay trở lại hoạt động cộng dồn 7 tháng năm 2022 tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước; riêng trong tháng 7 tăng hơn 35% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tình hình đăng ký hoạt động của doanh nghiệp (Tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 22/7/2022)



Trong tháng 7/2022 (tính từ đầu tháng đến ngày 22/7/2022), cả tỉnh có 94 doanh nghiệp thành lập mới với số vốn đăng ký gần 390 tỷ đồng, tăng trên 54% về số doanh nghiệp và tăng gần 88,9% về số vốn đăng ký so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong tháng đạt hơn 4 tỷ đồng, tăng 22,6% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, cả tỉnh còn có 33 doanh nghiệp quay trở lại hoạt động, xấp xỉ so với cùng kỳ năm 2021.

Tính chung 7 tháng năm 2022 (tính từ ngày 01/01/2022 đến ngày 22/7/2022), cả tỉnh có 795 doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký hơn 4,9 nghìn tỷ đồng; tăng 4,7% về số doanh nghiệp và giảm 15,5% về số vốn đăng ký. Nếu tính cả số doanh nghiệp quay trở lại hoạt động thì số doanh nghiệp tham gia thị trường 7 tháng năm 2022 đạt gần 1,3 nghìn doanh nghiệp, tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước; gấp 9,6 lần so với doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường. Số doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường 131 doanh nghiệp, tăng gần 29,7% so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp tạm ngừng hoạt động 725 doanh nghiệp (+29%); 191 doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể (+0,5%).

6. Thương mại, dịch vụ

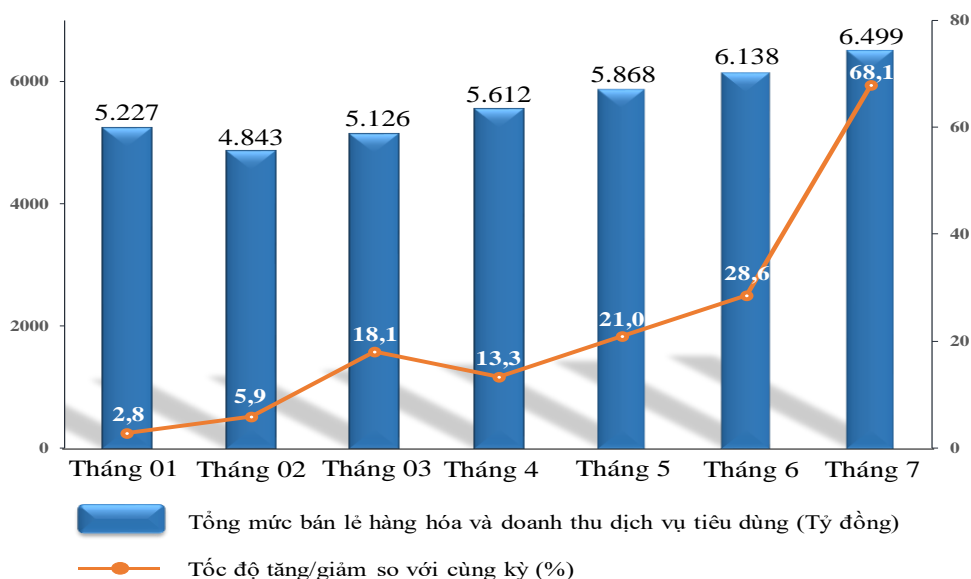
Hoạt động thương mại và dịch vụ tháng 7/2022 tiếp đà phục hồi ở tất cả các ngành, đặc biệt là dịch vụ lưu trú, ăn uống và du lịch. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7 tăng 6% so với tháng trước và tăng 68% so cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước.

6.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng 7/2022 ước đạt gần 6,5 nghìn tỷ đồng; tăng gần 6% so với tháng trước và tăng hơn 68% so với cùng kỳ năm trước⁴; trong đó doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt trên 5,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 80% tổng mức, tăng 6% so với tháng trước và tăng gần 71% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 39,3 nghìn tỷ đồng, tăng 18,5% so với cùng kỳ năm trước. Xét theo ngành hoạt động, doanh thu bán lẻ hàng hóa 7 tháng năm 2022 ước đạt hơn 31 nghìn tỷ đồng, chiếm hơn 79% tổng mức và tăng 17,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó lương thực, thực phẩm (+23,3%); đồ dùng, dụng cụ, trang thiết bị gia đình (+6,7%); hàng may mặc (-5,2%); vật phẩm văn hóa, giáo dục (-5,6%); ô tô các loại (+27%); hàng hóa khác (+19%); sửa chữa xe có động cơ (+10,2%);...

⁴ Do cùng thời điểm này năm trước, dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ở nhiều địa phương trên cả nước, hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh bị ảnh hưởng.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng



Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống tháng 7/2022 ước đạt hơn 825 tỷ đồng, tăng 5,4% so với tháng trước và tăng 81,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt hơn 137 tỷ đồng (+13,7%; +800%), doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt 688 tỷ đồng (+3,9%; +56,3%). Tính chung 7 tháng năm 2022, doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt gần 5,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 13,1% tổng mức và tăng 26,7% so với cùng kỳ năm trước; trong đó doanh thu dịch vụ lưu trú ước đạt hơn 569 tỷ đồng (+124,4%), doanh thu dịch vụ ăn uống ước đạt gần 4,6 nghìn tỷ đồng (+20,2%).

Doanh thu dịch vụ lữ hành ước tính tháng 7/2022 đạt gần 16 tỷ đồng, tăng 51% so với tháng trước và gấp 6,3 lần so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2022, doanh thu dịch vụ lữ hành ước đạt gần 43 tỷ đồng, tăng 195,4% so với cùng kỳ năm trước. Doanh thu dịch vụ khác ước tính tháng 7/2022 đạt 450,6 tỷ đồng, tăng 2,7% so với tháng trước và tăng 25,2% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2022, doanh thu dịch vụ khác ước đạt hơn 3 nghìn tỷ đồng, tăng 12% so với cùng kỳ năm trước.

Nằm trong khuôn khổ chương trình Năm du lịch quốc gia 2022, tỉnh Quảng Nam đã tổ chức hàng loạt sự kiện du lịch trong tháng 7 nhằm thu hút và kích cầu du lịch cho địa phương. Hiện nay, hơn 50 đơn vị du lịch tham gia gói kích cầu “Quảng Nam - cảm xúc mùa hè” vẫn đang duy trì nhiều sản phẩm, dịch vụ khuyến mãi để chào đón du khách đến Quảng Nam với những trải nghiệm tuyệt vời nhất cùng mức giá ưu đãi, hợp lý. Theo kết quả suy rộng từ điều tra mẫu doanh nghiệp và cá thể hằng tháng⁵, tổng lượt khách lưu trú trên địa bàn tỉnh Quảng Nam tháng 7/2022 ước đạt gần 311 nghìn lượt khách, tăng 12,8% so với tháng trước; gấp hơn 9 lần so với cùng kỳ năm trước; trong đó khách quốc tế đạt gần 26 nghìn lượt khách (+40,1%; gấp 22,5 lần), khách trong nước đạt gần 285 nghìn lượt khách (+10,9%; gấp 8,8 lần). Tổng lượt khách tham quan do các đơn vị lữ hành phục vụ tháng 7/2022 ước đạt hơn 17 nghìn lượt khách, tăng 26,1% so

⁵ Đối với lượt khách lưu trú: bao gồm lượt khách qua đêm và không qua đêm. Đối với lượt khách tham quan: chỉ tính cho lượt khách đi du lịch theo tour.

với tháng trước và gấp 7,8 lần so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2022, tổng lượt khách lưu trú trên địa bàn tỉnh ước đạt hơn 1,2 triệu lượt khách, gấp gần 3,3 lần so với cùng kỳ năm trước; trong đó khách quốc tế ước đạt 65 nghìn lượt khách (gấp 7,5 lần); khách trong nước ước đạt gần 1,2 triệu lượt khách (gấp 3,2 lần) so với cùng kỳ năm trước. Tổng lượt khách tham quan do các đơn vị lữ hành phục vụ ước đạt gần 53,5 nghìn lượt khách, tăng gấp 4 lần so với cùng kỳ năm trước.⁶

6.2. Hoạt động vận tải, kho bãi

Nhiều sự kiện văn hóa, du lịch tiêu biểu thu hút khách du lịch trong nước và quốc tế đến Quảng Nam, bên cạnh việc gia đình đưa con, em đi vui chơi, thư giãn trong kỳ nghỉ hè, cũng như các lực lượng chức năng tăng cường tuần tra, kiểm soát, xử lý các vi phạm về nồng độ cồn khi tham gia giao thông nên nhu cầu đi lại bằng phương tiện công cộng trong tháng tiếp tục tăng so với cùng kỳ năm trước. Dự tính, tổng doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ trong tháng 7 ước đạt gần 355 tỷ đồng, giảm 3,4% so với tháng trước nhưng tăng 41,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 7 tháng năm 2022, doanh thu hoạt động vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ ước đạt hơn 2,3 nghìn tỷ đồng, giảm 1,7% so với cùng kỳ năm trước; trong đó vận tải hành khách đạt hơn 292 tỷ đồng (+39,6%); vận tải hàng hóa đạt hơn 1,7 nghìn tỷ đồng (-5,7%), hoạt động kho bãi và dịch vụ hỗ trợ đạt hơn 337 tỷ đồng (-5,1%). Chi tiết theo ngành đường, vận tải đường bộ đạt gần 1,8 nghìn tỷ đồng, giảm 6,5% so với cùng kỳ năm 2021; vận tải ven biển, viễn dương đạt hơn 211 tỷ đồng (+82%), đường thủy nội địa đạt 36 tỷ đồng (+21,9%).

Vận tải hành khách tháng 7/2022 ước đạt gần 1,3 triệu lượt khách, tăng 14,6% so với quý trước, so cùng kỳ năm trước tăng gấp 5 lần; sản lượng hành khách luân chuyển ước đạt gần 59 triệu lượt khách.km (+3,1%; gấp 3,5 lần). Tính chung 7 tháng năm 2022, sản lượng hành khách vận chuyển ước đạt gần 5,7 triệu lượt khách, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển hành khách đạt trên 294 triệu lượt khách.km (-2,5%).

Vận tải hàng hóa tháng 7/2022 ước đạt 974 nghìn tấn, xấp xỉ quý trước và tăng 6,7% so với cùng kỳ năm trước; sản lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt 113,4 triệu tấn.km (-6,8%; +22,3%). Tính chung 7 tháng năm 2022, sản lượng hàng hóa vận chuyển ước đạt 6,7 triệu tấn, giảm 25% so với cùng kỳ năm trước và sản lượng hàng hóa luân chuyển ước đạt gần 784 triệu tấn.km (-19,8%).

7. Chỉ số giá

Giá lương thực, thực phẩm tăng; giá nhà ở thuê tăng; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng cao do chi phí đầu vào tăng và nhu cầu xây dựng đang mùa

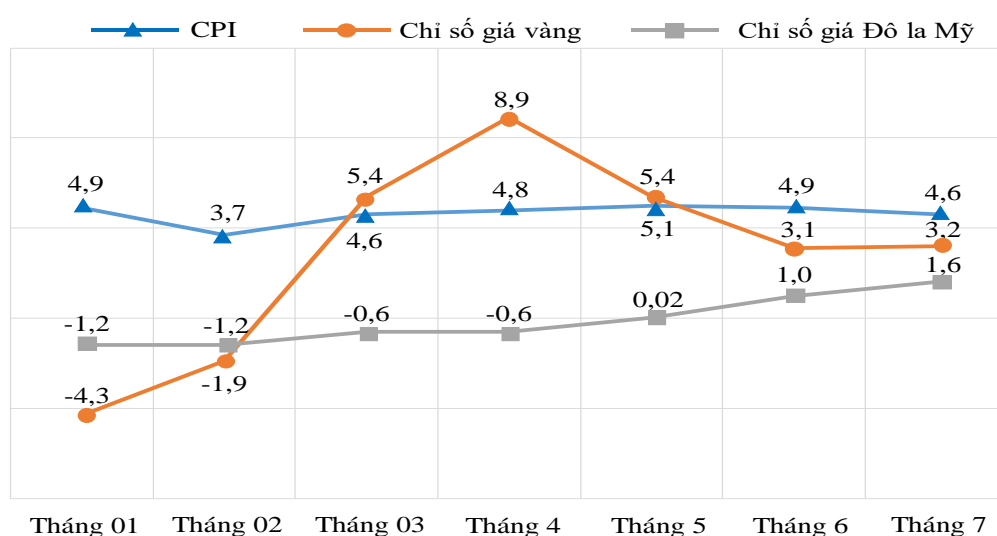
⁶ Theo số liệu từ Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, tổng lượt khách tham quan, lưu trú du lịch lũy kế 7 tháng năm 2022 đạt hơn 3 triệu lượt khách, tăng gấp 9 lần so với cùng kỳ năm 2021 và giảm 36% so với cùng kỳ năm 2019; trong đó khách quốc tế ước đạt 167 nghìn lượt khách, tăng gấp 10 lần so với cùng kỳ năm 2021 và giảm 94% so với cùng kỳ năm 2019; khách nội địa ước đạt hơn 2,9 triệu lượt khách, tăng gấp 9 lần so với cùng kỳ năm 2021, tăng 54% so với cùng kỳ năm 2019.

cao điểm; giá nhóm văn hóa, giải trí và du lịch tăng trong dịp hè là những nguyên nhân chính làm chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 7/2022 tăng 0,09% so với tháng trước (trong đó khu vực thành thị tăng 0,33%; khu vực nông thôn tăng 0,01%); so với cùng kỳ năm trước CPI tăng 4,61%⁷.

So với tháng trước, trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ chính có 7 nhóm tăng giá: hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+0,37%); đồ uống và thuốc lá (+0,06%); may mặc, mũ nón, giày dép (+0,22%); nhà ở, chất đốt và vật liệu xây dựng (+1,11%); thiết bị và đồ dùng gia đình (+0,84%); văn hóa, giải trí và du lịch (+2,62%); hàng hóa và dịch vụ khác (+0,26%). Có 3 nhóm: thuốc và dịch vụ y tế; bưu chính viễn thông; giáo dục ổn định. Riêng nhóm giao thông (-3,44%).

CPI bình quân 7 tháng năm 2022 tăng 4,66% so với cùng kỳ năm trước; trong đó chỉ số giá nhóm giao thông tăng cao nhất trong 11 nhóm hàng hóa và dịch vụ (+20,13%); nhà ở, chất đốt và vật liệu xây dựng (+6,18); hàng ăn và dịch vụ ăn uống (+3,36%); đồ uống và thuốc lá (+5,16%); thiết bị và đồ dùng gia đình (+1,63%); văn hóa, giải trí và du lịch (+1,92%); hàng hóa và dịch vụ khác (+1,31%); giáo dục (+0,68%); bưu chính viễn thông (-0,06%); may mặc, mũ nón, giày dép (-0,04%); riêng nhóm thuốc và dịch vụ y tế ổn định.

Tốc độ tăng/giảm chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ (Tháng báo cáo so với cùng kỳ năm trước)



Giá vàng trong nước biến động cùng chiều với giá vàng thế giới, theo đó, chỉ số giá vàng tháng 7/2022 giảm 2,47% so với tháng trước và tăng 2,75% so với bình quân cùng kỳ. Đồng đô la Mỹ trong tháng 7/2022 tăng 0,59% so với tháng trước và giảm 0,16% so với bình quân cùng kỳ. Tính bình quân giá 1 đô la Mỹ trong tháng quy đổi được 23.480 đồng Việt Nam.

8. Một số vấn đề xã hội

8.1. Giáo dục

Theo báo cáo của Sở Giáo dục và Đào Tạo, kỳ thi tốt nghiệp Trung học phổ thông (THPT) đã diễn ra thành công, an toàn, nghiêm túc. Tỷ lệ thí sinh dự

⁷ so với tháng 7/2021, giá xăng dầu tăng 34,21%.

thi đạt hơn 99,6%, cao hơn tỷ lệ chung của cả nước (98,7%). Tỉnh Quảng Nam không có cán bộ coi thi, thí sinh vi phạm quy chế thi; không có trường hợp thí sinh bị nhiễm Covid-19. Đây là năm thứ tư liên tiếp Quảng Nam không có trường hợp nào vi phạm quy chế thi; không có sự cố nào liên quan đến khâu sao in đề thi, coi thi, thời gian làm bài của thí sinh. Công tác tổ chức chấm thi diễn ra từ ngày 10 - 22/7; công bố kết quả thi vào ngày 24/7 và công bố kết quả tốt nghiệp THPT chậm nhất ngày 28/7.

Bên cạnh đó, Sở GD-ĐT đã công bố kết quả tuyển sinh lớp 10 cho 555 thí sinh trúng tuyển vào các trường THPT chuyên tỉnh Quảng Nam năm học 2022-2023 và kết quả tuyển sinh lớp 10 cho 160 thí sinh trúng tuyển vào trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh năm học 2022-2023.

Từ ngày 14 - 15/7, tại thành phố Hải Phòng đã diễn ra Kỳ thi Học sinh giỏi các trường chuyên khu vực Duyên hải và Đồng bằng Bắc bộ; Quảng Nam có trường THPT chuyên Lê Thánh Tông tham gia và đạt thành tích cao với 49/52 học sinh đạt giải, gồm 5 huy chương vàng, 13 huy chương bạc, 17 huy chương đồng và 17 giải khuyến khích.

8.2. Văn hóa, thể dục, thể thao

Các hoạt động văn hóa trong tháng trên địa bàn tỉnh chủ yếu tập trung cho công tác tuyên truyền cổ động trực quan, trọng tâm như: 110 năm Ngày sinh đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Văn Cừ (09/7/1912 - 09/7/2022); kỷ niệm 75 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27/7/1947 - 27/7/2022)...Năm trong chuỗi hoạt động hưởng ứng Năm Du lịch Quốc gia - Quảng Nam 2022, từ ngày 9 - 17/7 diễn ra sự kiện Ngày hội Văn hóa - Thể thao - Du lịch biển Tam Thanh mở rộng và Tuần du lịch trải nghiệm Địa đạo Kỳ Anh - Bãi Sậy sông Đầm mang tên “Tam Kỳ - Cảm xúc mùa hè 2022” với nhiều hoạt động sôi nổi.

Trong tháng, tỉnh đã tổ chức 3 giải thể thao trong Chương trình Đại hội Thể Dục - Thể thao tỉnh Quảng Nam lần thứ IX năm 2022: giải Bóng ná - Bóng nỏ vô địch tỉnh Quảng Nam tại huyện Phước Sơn, giải Đẩy gậy vô địch tỉnh Quảng Nam và giải Kéo co vô địch tỉnh Quảng Nam tại huyện Nam Giang; kết quả huyện Nam Giang xuất sắc giành giải nhất ở 3 nội dung đẩy gậy, kéo co, bóng ná - bóng nỏ. Tính đến nay Đại hội đã tổ chức được 14/17 môn gồm: cờ tướng, bóng chuyền nữ, bóng bàn, cầu lông, điền kinh, bóng chuyền nam, bóng đá nữ, đua thuyền, bơi lội, karate, võ cổ truyền, đẩy gậy, kéo co, bóng ná - bóng nỏ. Nhìn chung, các giải đấu đều diễn ra sôi nổi, hấp dẫn, thu hút đông đảo mọi người tham gia.

Từ ngày 11 - 18/7/2022, tại huyện Đông Giang diễn ra Hội thi Thể thao các dân tộc thiểu số tỉnh Quảng Nam lần thứ II năm 2022; đây là một trong những hoạt động hưởng ứng Năm du lịch quốc gia 2022 với chủ đề “Quảng Nam - Điềm đến du lịch xanh”. Hội thi năm nay được tổ chức 7 môn thi đấu với sự tham gia của 1.500 vận động viên, huấn luyện viên đến từ 8 huyện miền núi và huyện Núi Thành. Kết quả thi đấu: huyện Nam Giang giành giải nhất toàn đoàn, giải nhì và giải ba lần lượt thuộc về huyện Đông Giang và huyện Phước Sơn. Cũng trong tháng 7/2022, tỉnh Quảng Nam cử các đoàn VĐV tham gia thi đấu 15 giải thể

thao thành tích cao và 01 giải thể thao quần chúng cấp quốc gia; đến nay đã thi đấu xong 9/15 giải, kết quả đạt 10 huy chương vàng, 13 huy chương bạc, 20 huy chương đồng.

8.3. Bảo hiểm xã hội, y tế, phòng chống dịch bệnh

*** Bảo hiểm xã hội:**

Ước tính đến cuối tháng 7 năm 2022, tổng số người tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH) ước đạt trên 209,2 nghìn người, tăng 0,9% so với tháng trước, trong đó: BHXH bắt buộc đạt trên 187,7 nghìn người, BHXH tự nguyện đạt 21,5 nghìn người; số người tham gia bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) đạt gần 174,3 nghìn người, tăng 1,1% so với tháng trước; số người tham gia bảo hiểm y tế (BHYT) đạt trên 1.445 nghìn người, tỷ lệ bao phủ ước đạt trên 95% dân số toàn tỉnh. Tổng số tiền thu BHXH, BHYT, BHTN ước đạt 387,2 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm đạt gần 2.537 tỷ đồng, tăng 3,5% so với cùng kỳ năm trước.

Số người hưởng các chế độ BHXH hàng tháng đạt trên 34,9 nghìn người, trong đó: lương hưu đạt trên 30 nghìn người; số người hưởng trợ cấp một lần đạt trên 21,6 nghìn người (lũy kế 164,6 nghìn người). Trong tháng, số lượt người hưởng trợ cấp ốm đau, thai sản, dưỡng sức đạt 19,7 nghìn lượt (lũy kế 153,9 nghìn lượt); số người hưởng trợ cấp thất nghiệp trên 1,8 nghìn người (lũy kế 7,2 nghìn người). Tổng số tiền chi trong tháng ước đạt trên 400,7 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm đạt 2.557,5 tỷ đồng.

Trong tháng 7/2022, tổng số lượt khám chữa bệnh BHYT 309,8 nghìn lượt, lũy kế từ đầu năm 1.723,4 nghìn lượt, giảm 10,3% so với cùng kỳ năm 2021; tổng chi phí khám chữa bệnh BHYT ước tính hơn 144,2 tỷ đồng, lũy kế từ đầu năm đạt 768,3 tỷ đồng.

*** Công tác y tế, phòng chống dịch bệnh:**

Tính chung thời gian bùng phát dịch bệnh Covid-19 (từ đầu năm đến ngày 18/7/2022) có 42.815 ca dương tính; cách ly y tế tại cơ sở cách ly tập trung 3.899 người, cách ly tại cơ sở y tế 25.172 người, cách ly tại nhà 60.820 người, F0 đang cách ly và điều trị tại nhà 221.358 người. Tình hình tiêm chủng Covid-19 trên địa bàn tỉnh tính đến ngày 18/7/2022: số vắc xin thực tế đã tiêm 3.330.804 mũi (đạt 91,2% so với vắc xin đã nhận); đã tiêm mũi 2 cho 13.236 trẻ em từ 5-11 tuổi, đạt tỷ lệ 8,2%; tiêm mũi 2 cho 130.421 trẻ em từ 12-17 tuổi, đạt tỷ lệ 97,7%; số người từ 18 tuổi trở lên tiêm đủ 2 mũi là 1.080.655 người, đạt tỷ lệ 98,6% số người cần tiêm; số người tiêm mũi bổ sung 447.258 và 440.949 mũi nhắc lại, số người tiêm mũi 4 là 39.706 người.

Theo báo cáo của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật, lũy kế từ đầu năm đến ngày 30/6/2022, toàn tỉnh phát hiện 2.461 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết Dengue; 339 trường hợp mắc bệnh tay, chân, miệng; 115 trường hợp bệnh lao phổi; 101 trường hợp mắc bệnh thủy đậu; 2.173 trường hợp mắc bệnh tiêu chảy; 40 trường hợp mắc bệnh quai bị; 33 trường hợp mắc bệnh lỵ trực trùng; 10 trường hợp mắc virus viêm gan B. Tính đến 30/6, ca mắc sốt xuất huyết toàn tỉnh tăng cao (+2.216 ca), gấp 10 lần so với cùng kỳ năm 2021 (245 ca) tại 17/18 huyện, thị

xã, thành phố, trong đó nhiều nhất ở huyện Thăng Bình, Núi Thành, thị xã Điện Bàn, thành phố Tam Kỳ; hiện chưa có trường hợp tử vong do sốt xuất huyết.

8.4. An toàn giao thông

Theo số liệu của Phòng Cảnh sát Giao thông tỉnh Quảng Nam, trong tháng 07/2022 (từ ngày 15/6/2022 - 14/7/2022), trên địa bàn tỉnh xảy ra 14 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 11 người, bị thương 5 người. Tai nạn đường sắt và đường thủy không xảy ra. So với tháng trước, số vụ tai nạn giao thông đường bộ tăng 02 vụ và giảm 01 người chết. Như vậy, từ ngày 15/12/2021 - 14/7/2022, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 86 vụ tai nạn giao thông đường bộ, làm chết 61 người, bị thương 54 người; so với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông đường bộ giảm 27 vụ, giảm 24 người chết và giảm 18 người bị thương.

Trong tháng 7, qua tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông đường bộ, đường sắt đã phát hiện và lập biên bản 2.155 trường hợp vi phạm, ra quyết định xử phạt 2.124 trường hợp, chuyển Kho bạc Nhà nước số tiền phạt gần 3,3 tỷ đồng, tước giấy phép lái xe có thời hạn 299 trường hợp, tạm giữ 520 phương tiện giao thông vi phạm. Cảnh sát đường thủy tuần tra kiểm soát, xử phạt vi phạm hành chính 8 trường hợp, phạt 7,5 triệu đồng.

8.5. Tình hình xử lý môi trường, cháy nổ, thiên tai

Theo số liệu Phòng Cảnh sát Phòng cháy và Chữa cháy tỉnh Quảng Nam, trong tháng 7/2022 trên địa bàn tỉnh xảy ra 7 vụ cháy, gồm: 02 vụ cháy rừng và 01 vụ cháy nhà ở thành phố Tam Kỳ, 02 vụ cháy rừng và 01 vụ cháy xe ở huyện Núi Thành, 01 vụ cháy trụ sở UBND xã Trà Tập, huyện Nam Trà My; không có thiệt hại về người; giá trị thiệt hại ước tính gần 1,5 tỷ đồng. Tính từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã xử lý 18 vụ cháy, giảm 29 vụ cháy so với cùng kỳ năm trước, không có vụ nổ; không có thiệt hại về người, ước tính tổng mức thiệt hại gần 255,7 tỷ đồng.

Theo báo cáo phòng Cảnh sát Môi trường tỉnh Quảng Nam, trong tháng 7, đã phát hiện và lập biên bản 24 vụ, xử phạt 15 vụ vi phạm với tổng số tiền xử phạt 551,5 triệu đồng. Cụ thể: lĩnh vực công nghiệp 6 vụ/165 triệu đồng; lĩnh vực xây dựng, môi trường đô thị 13 vụ/257,5 triệu đồng; lĩnh vực tài nguyên, khoáng sản 02 vụ/120 triệu đồng; lĩnh vực phát triển, bảo vệ rừng 03 vụ/9 triệu đồng. Như vậy, lũy kế từ đầu năm đến nay, toàn tỉnh đã phát hiện và lập biên bản 143 vụ, tăng 65 vụ so với cùng kỳ năm trước; xử phạt vi phạm hành chính 141 vụ với tổng số tiền xử phạt gần 2,9 tỷ đồng.

Trong tháng 7/2022, trên địa bàn tỉnh đã xảy ra 02 đợt mưa giông trên địa bàn hai huyện miền núi Nam Trà My và Nam Giang; không có thiệt hại về người, tuy nhiên làm 01 nhà bị hư hại từ 30 - 50%, 2,7 ha keo lá tràm bị gãy đổ, ước tính giá trị thiệt hại 15,4 triệu đồng; so với cùng kỳ năm trước, số vụ thiên tai tăng 02 vụ. Tính từ đầu năm đến nay, trên địa bàn tỉnh xảy ra 12 đợt thiên tai, tăng 9 vụ so với cùng kỳ năm 2021; bao gồm: 02 vụ mưa lớn, 03 vụ sạt lở sục lún đất, 7 vụ sét đánh, giông lốc.

Nhìn chung, tình hình kinh tế - xã hội tháng 7 và 7 tháng năm 2022 tiếp tục tăng trưởng và khởi sắc trên tất cả các lĩnh vực. Một số ngành có mức tăng trưởng cao hơn trước khi dịch Covid-19 xuất hiện như: hoạt động sản xuất công nghiệp; tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng; đặc biệt dịch vụ lưu trú, ăn uống và lữ hành từng bước phục hồi và tăng trưởng đáng kể. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế - xã hội những tháng cuối năm còn phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức: đứt gãy chuỗi cung ứng, giá hàng hóa thiết yếu tăng cao, lạm phát; tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư còn thấp; dịch Covid-19 tuy đã cơ bản được khống chế nhưng với các biến thể mới có thể còn diễn biến phức tạp;..../.

Nơi nhận:

- Vụ TK Tổng hợp & PBTTK (b/c);
- Tỉnh ủy; HĐND; UBND tỉnh;
- CTK một số tỉnh, thành phố;
- Đơn vị trực thuộc CTK;
- Một số Sở, ban, ngành liên quan;
- Lãnh đạo Cục;
- Lưu: VT, TKTH.

CỤC TRƯỞNG

Lê Quý Đạt


KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH QUẢNG NAM

THÁNG 7 VÀ 7 THÁNG NĂM 2022

NÔNG NGHIỆP
Trồng trọt

(Tính đến ngày 15/7/2022)

Lúa Đông Xuân

41,6
Nghìn ha
▲ 0,2%


Lúa Mùa

41,2
Nghìn ha
▲ 0,4%

Diện tích gieo trồng
Ngô

11,1
Nghìn ha
▲ 0,6%

Khoai lang

2,2
Nghìn ha
▲ 0,7%

Lạc

9,4
Nghìn ha
▲ 2,4%

Rau các loại

11,1
Nghìn ha
▲ 0,5%

Chăn nuôi

(So với cùng thời điểm năm 2021)


Trâu

59,9
Nghìn con
▲ 0,6%


Bò

174,2
Nghìn con
▲ 0,8%


Lợn

317,1
Nghìn con
▲ 0,3%


Gia cầm

8.810
Nghìn con
▲ 2,8%



LÂM NGHIỆP - THỦY SẢN

Lâm nghiệp 7 tháng năm 2022

(Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021)



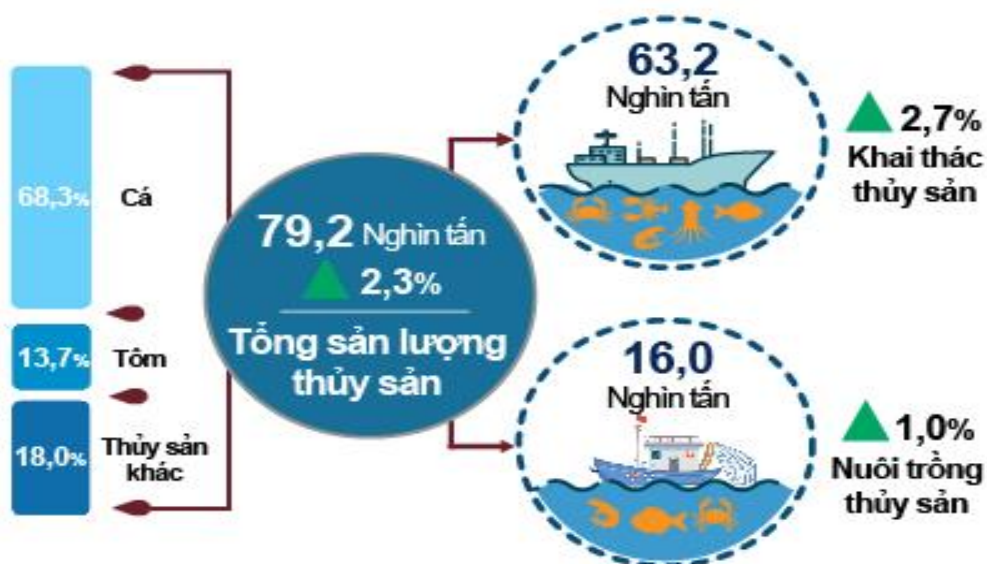
4,1 Nghìn ha
▲ **4,8%**
**Diện tích rừng
trồng tập trung**

973,4 Nghìn m³
▲ **5,2%**
**Sản lượng
gỗ khai thác**

293,5 Nghìn Ste
▲ **0,4%**
**Sản lượng
củ khai thác**

Thủy sản 7 tháng năm 2022

(Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021)





TÀI CHÍNH - NGÂN HÀNG

Thu - chi ngân sách

(Tính đến ngày 25/7/2022)

**Tổng thu NSNN
trên địa bàn**

20.732 Tỷ đồng

▲ 43,0%



**Tổng chi NSNN
trên địa bàn**

12.183 Tỷ đồng

▲ 5,4%

Trong đó:

15.381

Thu nội địa

5.349

Thu cân đối xuất nhập khẩu

Trong đó:

4.898

Chi đầu tư phát triển

7.284

Chi thường xuyên

Hoạt động Ngân hàng

(Tính đến cuối tháng 7 năm 2022)



75.024

Tỷ đồng

▲ 1,7%



Tổng huy động

91.853

Tỷ đồng

▲ 2,5%



Tổng dư nợ



(So với đầu tháng 7/2022)



VỐN ĐẦU TƯ

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn NSNN do địa phương quản lý 7 tháng năm 2022



(So với cùng kỳ năm 2021)



Ngân sách cấp tỉnh



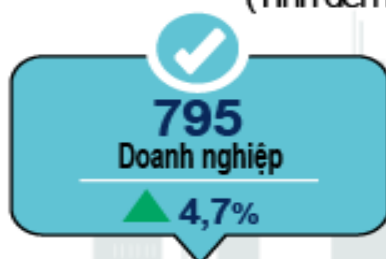
Ngân sách cấp huyện



Ngân sách cấp xã

Tình hình đăng ký doanh nghiệp 7 tháng năm 2022

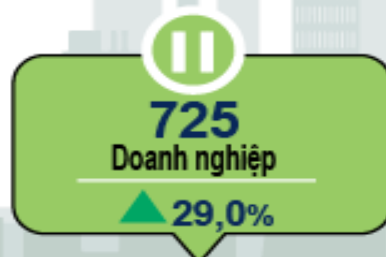
(Tính đến ngày 19/7/2022)



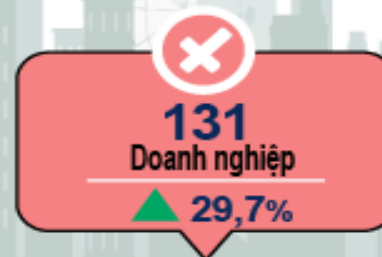
DN thành lập mới



Tổng vốn đăng ký



DN tạm ngừng hoạt động



Doanh nghiệp đã giải thể



CÔNG NGHIỆP

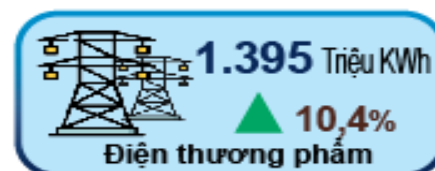
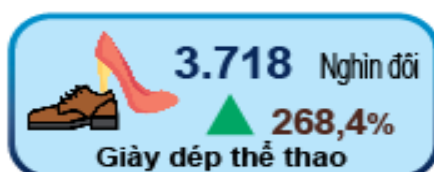
Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) 7 tháng năm 2022

(Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021)



Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu 7 tháng năm 2022

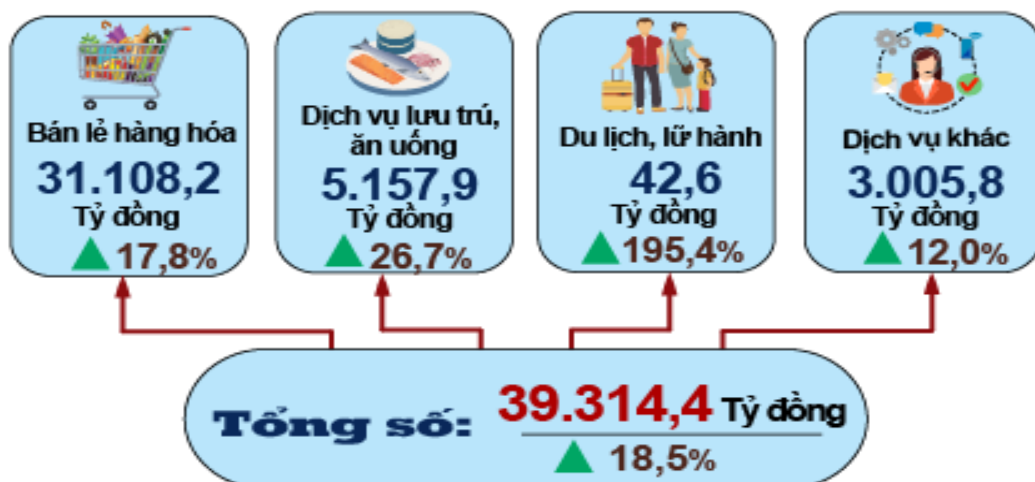
(Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021)





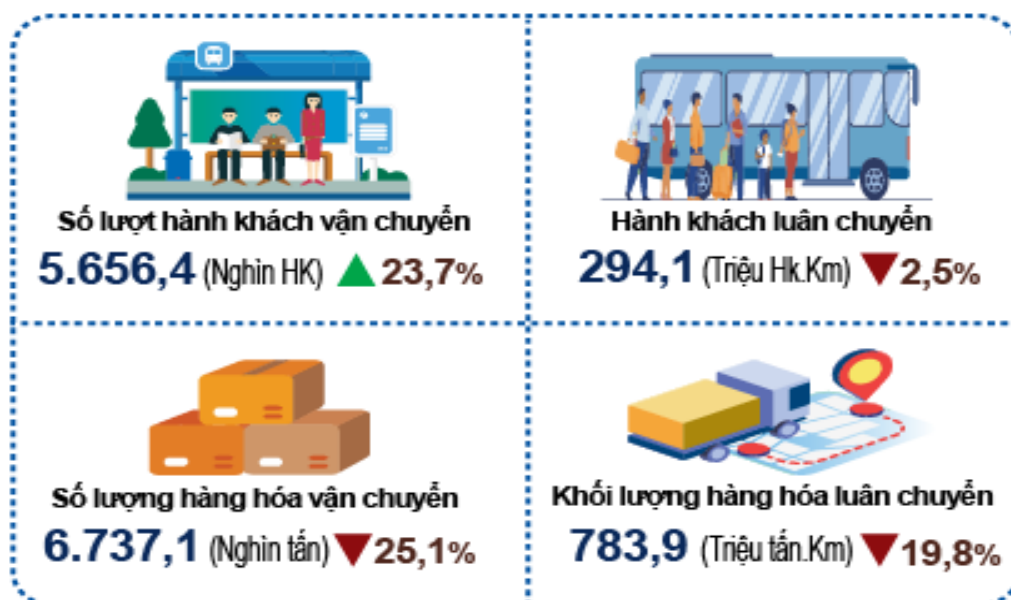
THƯƠNG MẠI - DỊCH VỤ

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 7 tháng năm 2022 (Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021)



Hoạt động vận tải 7 tháng năm 2022

(Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021)

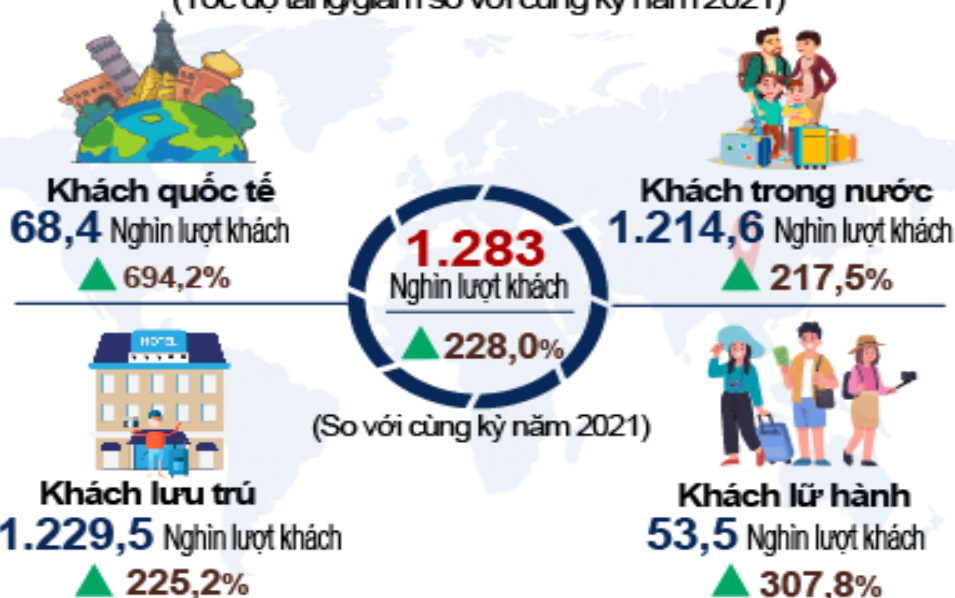




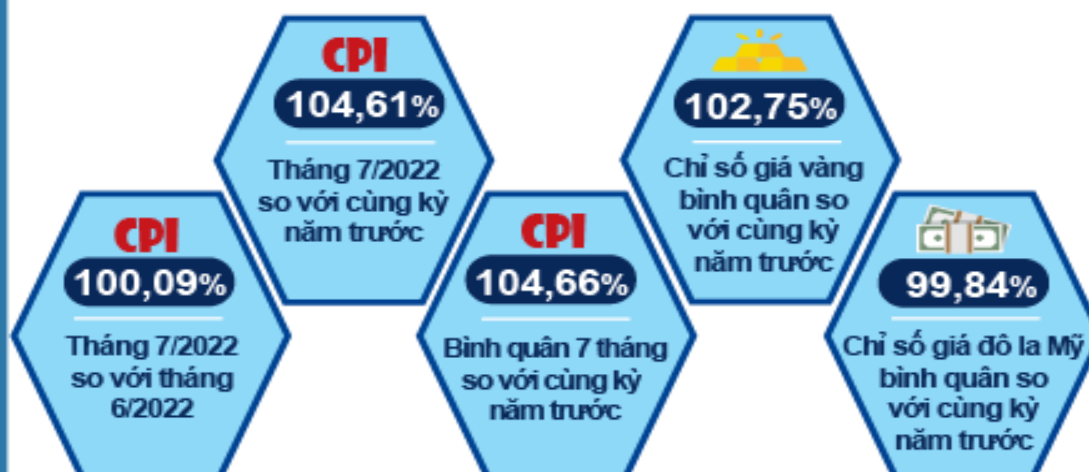
DU LỊCH

Du lịch 7 tháng năm 2022

(Tốc độ tăng/giảm so với cùng kỳ năm 2021)



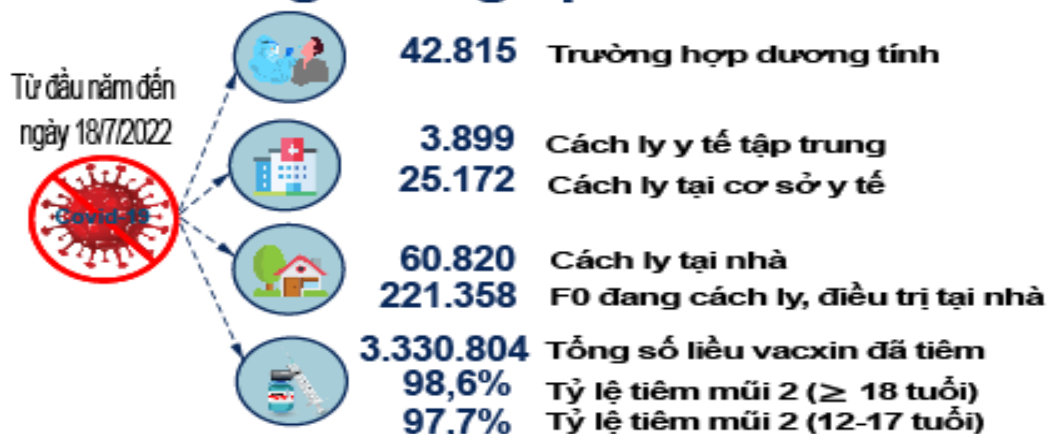
CHỈ SỐ GIÁ





MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

Phòng chống dịch Covid-19



Phòng chống một số bệnh

(6 tháng đầu năm 2022)



Trật tự an toàn xã hội 7 tháng năm 2022



Tai nạn
giao thông

87

Vụ TNGT

78 Người chết

54 Người bị thương



Cháy - nổ

18

Vụ cháy

Ước tính thiệt hại

255,7 Tỷ đồng

PHỤ LỤC SỐ LIỆU

1. Sản xuất nông nghiệp đến ngày 15 tháng báo cáo
(Tháng 7 năm 2022)

	Thực hiện cùng kỳ năm trước	Thực hiện kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Diện tích gieo trồng cây hàng năm (Ha)			
Lúa			
Lúa đông xuân	41.543	41.610	100,2
Lúa mùa	41.096	41.250	100,4
Các loại cây khác			
Ngô	10.984	11.049	100,6
Khoai lang	2.138	2.154	100,7
Đậu tương	54,4	88,8	163,2
Lạc	9.178	9.399	102,4
Rau các loại	11.018	11.075	100,5
Đậu các loại	5.047	5.033	99,7
Sản lượng thu hoạch các loại cây trồng (Tấn)			
Lúa			
Lúa đông xuân	256.430	233.313	91,0
Lúa mùa	-	-	-
Các loại cây khác			
Ngô	27.530	25.613	93,0
Khoai lang	8.946	9.376	104,8
Đậu tương	81	156	192,6
Lạc	21.167	18.042	85,2
Rau các loại	191.553	193.112	100,8
Đậu các loại	4.601	4.721	102,6

2. Chỉ số sản xuất công nghiệp (Tháng 7 năm 2022)

	%			
	Thực hiện từ đầu năm đến kỳ trước kỳ báo cáo	Ước tính kỳ báo cáo so với kỳ trước	Ước tính kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
Toàn ngành công nghiệp	121,3	101,2	128,0	122,2
Khai khoáng	119,7	92,5	111,4	118,5
- Khai thác than cứng và than non	79,0	121,7	101,3	81,7
- Khai khoáng khác	142,7	85,6	115,3	138,1
Công nghiệp chế biến, chế tạo	120,9	104,7	127,5	121,7
- Sản xuất chế biến thực phẩm	79,8	93,5	77,3	79,3
- Sản xuất đồ uống	125,9	71,4	114,0	124,4
- Dệt	78,9	100,5	82,8	79,5
- Sản xuất trang phục	98,9	125,2	95,6	98,4
- Sản xuất da và các sản phẩm có liên quan	301,5	96,8	474,7	320,6
- Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rom, rạ và vật liệu tết bện	62,4	100,0	78,4	64,4
- Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	88,3	136,7	80,6	87,0
- In, sao chép bản ghi các loại	94,9	97,5	113,9	97,7
- Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	103,5	109,4	97,6	102,6
- Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	105,7	47,3	15,3	89,9
- Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	200,2	106,8	186,5	196,9
- Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	91,0	104,4	122,2	95,2
- Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	112,4	106,9	111,5	112,2
- Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	89,8	113,6	102,5	91,9
- Sản xuất xe có động cơ	134,6	112,9	156,3	136,9
- Sản xuất phương tiện vận tải khác	101,6	91,8	103,0	101,8
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	102,3	100,0	52,1	94,8
- Công nghiệp chế biến, chế tạo khác	113,8	90,0	120,0	114,5
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	129,9	73,0	143,0	131,4
- Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hoà không khí	129,9	73,0	143,0	131,4
Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	105,2	101,7	105,1	105,2
- Khai thác, xử lý và cung cấp nước	104,4	107,9	104,2	104,3
- Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	105,6	99,1	105,5	105,6

3. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu (Tháng 7 năm 2022)

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Than đá (than cứng) loại khác	Tấn	9.479	11.540	77.014	101,3	81,7
Đá xây dựng khác	M3	28.587	26.728	175.001	69,8	88,5
Cát trắng	M3	4.806	1.667	12.375	90,3	115,2
Cát tự nhiên khác	M3	34.357	30.261	226.119	235,3	224,5
Phi lê cá và các loại thịt cá khác tươi, ướp lạnh	Tấn	23	25	135	131,6	80,0
Mực đông lạnh	Tấn	105	95	435	141,8	89,9
Thủy hải sản ướp đông khác (trừ tôm, cá, mực)	Tấn	202	148	890	117,0	88,3
Phi lê cá sấy khô, muối hoặc ngâm nước muối nhưng không hun khói	Tấn	25	30	307	55,1	89,4
Thức ăn cho gia súc	Tấn	58	0	526	0,0	2,7
Thức ăn cho thủy sản	Tấn	10.452	9.856	57.580	78,8	83,6
Bia đóng chai	1000 lít	8.161	2.900	38.202	47,9	88,2
Nước ngọt (cocacola, 7 up, ...)	1000 lít	28.321	20.242	169.911	114,3	124,5
Vải dệt thoi từ sợi bông có tỷ trọng bông từ 85% trở lên	1000 m ²	154	174	1.146	107,7	119,8
Bao và túi dùng để đóng, gói hàng từ đay	1000 cái	5.374	5.400	36.977	82,8	79,5
Quần áo nghề nghiệp	1000 cái	92	112	742	35,6	33,4
Bộ com-lê, quần áo đồng bộ, áo jacket, quần dài, quần yếm, quần soóc cho người lớn không dệt kim hoặc đan móc	1000 cái	3.233	4.051	32.281	100,6	103,3
Giày, dép thể thao có mũ bằng da và có đế ngoài	1000 đôi	620	600	3.718	652,2	368,4
Các bộ phận của giày, dép bằng da; tấm lót bên trong có thể tháo rời; đệm gót và các sản phẩm tương tự; ghệt, xà cạp và các sản phẩm tương tự và các bộ phận của chúng	1000 đôi	1.902	1.850	9.431	113,6	112,7
Vỏ bảo, dăm gỗ	Tấn	101.392	93.285	569.260	128,5	83,2
Ván ép từ gỗ và các vật liệu tương tự	M3	146	195	1.430	36,8	41,7
Giấy và bìa không tráng khác, dùng để viết, in và dùng cho mục đích in ấn loạt khác; giấy làm thẻ card và giấy làm băng đục lỗ	Tấn	767	1.300	9.070	82,5	87,6
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn)	1000 chiếc	6.353	5.916	35.955	91,0	79,5
Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	1000 chiếc	1.440	2.160	13.241	74,9	90,7
Báo in (quy khổ 13cmx19cm)	Triệu trang	198	190	1.046	100,0	95,1

Đơn vị tính	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	
Dịch vụ in thử	Triệu đồng	1.375	1.370	8.071	164,4	92,5
Dịch vụ sắp chữ in (khuôn in) hoặc trực lẫn và các phương tiện truyền thông đại chúng dùng trong in	Triệu đồng	570	596	3.794	149,4	141,2
Plastic khác dạng nguyên sinh chưa được phân vào đầu; chất trao đổi ion	Tấn	198	200	1.262	68,4	69,0
Các hợp chất từ cao su tổng hợp và cao su tự nhiên và các loại nhựa tự nhiên tương tự, ở dạng nguyên sinh hoặc tấm lá hoặc dải	Tấn	862	1.100	6.587	109,6	100,6
Sợi chỉ tơ dai bằng poliamit và polyeste	Tấn	189	177	1.380	104,3	133,2
Cao dán, bưng, băng, gạc và các sản phẩm tương tự	Kg	275	130	4.387	15,3	89,9
Cao su hỗn hợp chưa lưu hoá, dạng nguyên sinh hoặc dạng tấm, lá hoặc dải	Tấn	1.041	900	5.581	272,7	180,5
Bao và túi (kể cả loại hình nón) bằng polime etylen	Tấn	511	550	2.245	184,4	234,3
Ống tuýp, ống dẫn, ống vòi khác	Tấn	422	548	2.787	150,7	79,5
Kính nổi và kính đã mài hoặc đánh bóng bề mặt ở dạng tấm, đã hoặc chưa tráng lớp phản chiếu hoặc không phản chiếu nhưng chưa gia công cách khác	Tấn	201	209	1.906	36,4	14,9
Tấm lát đường và vật liệu lát, gạch ốp lát tường và lát nền lò sưởi bằng gốm, sứ có tráng men; các khối khảm và các sản phẩm tương tự bằng gốm, sứ có tráng men, có hoặc không có lớp nền	1000 m ²	2.775	2.905	16.897	125,7	101,2
Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gốm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	15.258	15.100	84.568	98,4	84,8
Clanhke xi măng	Tấn	-	-	-	-	-
Xi măng Portland đen	Tấn	-	-	-	-	-
Thép hợp kim khác ở dạng bán thành phẩm	Tấn	-	-	-	-	-
Cấu kiện nhà lắp sẵn bằng kim loại	Tấn	315	323	2.134	181,0	153,8
Thiết bị dùng cho dàn giáo, ván khuôn, vật chống hoặc cột trụ chống hầm lò bằng sắt, thép, nhôm	Tấn	853	514	4.230	53,3	88,5
Kim khâu, kim đan, kim móc, kim thêu và các sản phẩm tương tự sử dụng bằng tay, bằng sắt hoặc thép; Ghim dập an toàn và các ghim dập khác bằng sắt hoặc thép chưa được phân vào đầu	Kg	51.437	56.581	338.140	115,6	113,4
Mạch điện tử tích hợp	1000 chiếc	525.813	597.524	3.343.694	102,5	91,9
Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén chờ được từ 10 người trở lên với tổng trọng tải > 6 tấn và # 18 tấn	Chiếc	5.539	6.565	59.882	149,0	158,6
Xe có động cơ đốt trong kiểu piston đốt	Chiếc	59	68	307	850,0	117,6

Đơn vị tính	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	
cháy bằng sức nén chở được từ 10 người trở lên với tổng trọng tải > 18 tấn và # 24 tấn						
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa # 5 tấn	Chiếc	1.122	1.067	8.225	115,1	89,4
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén, có tổng trọng tải tối đa > 5 tấn và # 20 tấn	Chiếc	893	912	5.858	217,7	92,7
Động cơ đốt trong kiểu piston chuyên động tịnh tiến hoặc chuyên động quay tròn đốt cháy bằng tia lửa điện dung tích xi lanh ≤ 1000 cm ³	Chiếc	76.228	70.000	452.959	103,0	101,8
Ghế khác có khung bằng gỗ	Chiếc	595.961	595.961	7.270.723	52,1	94,8
Dịch vụ sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	Triệu đồng					
Con dấu	1000 cái	0,20	0,18	1,42	120,0	114,5
Điện sản xuất	Triệu KWh	472	322	2.705	157,3	136,0
Điện thương phẩm	Triệu KWh	225	231	1.395	104,4	110,4
Nước uống được	1000 m ³	2.349	2.534	16.113	104,2	104,3
Dịch vụ thu gom rác thải không độc hại có thể tái chế	Triệu đồng	11.486	11.379	80.049	105,5	105,6

4. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý (Tháng 7 năm 2022)

	Thực hiện kỳ trước	Ước tính kỳ báo cáo	Cộng dồn thực hiện đến cuối kỳ báo cáo	<i>Triệu đồng</i>	
				Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với kế hoạch năm (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	519.116	542.814	3.162.720	51,0	108,9
Vốn ngân sách Nhà nước cấp tỉnh	302.085	314.169	1.880.101	50,3	109,9
- Vốn cân đối ngân sách tỉnh	109.965	119.765	745.617	47,4	111,8
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	65.913	79.513	402.897	40,3	102,9
- Vốn TW hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	49.983	50.365	276.851	31,7	108,8
- Vốn nước ngoài (ODA)	42.965	43.695	277.480	49,1	118,1
- Xổ số kiến thiết	9.987	10.108	59.427	66,0	109,2
- Vốn khác	89.185	90.236	520.726	81,2	104,1
Vốn ngân sách Nhà nước cấp huyện	189.277	200.213	1.104.295	44,9	106,0
- Vốn cân đối ngân sách huyện	165.386	173.548	987.527	42,3	117,9
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	68.874	69.459	436.309	30,3	108,2
- Vốn tỉnh hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	10.125	11.324	54.697	93,7	37,4
- Vốn khác	13.766	15.341	62.071	92,6	106,5
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	27.754	28.432	178.324	-	117,8
- Vốn cân đối ngân sách xã	27.754	28.432	178.324	-	117,8
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	-	-	-	-	-
- Vốn huyện hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	-	-	-	-	-
- Vốn khác	-	-	-	-	-

5. Doanh thu bán lẻ hàng hóa

(Tháng 7 năm 2022)

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	4.905.955	5.207.282	31.108.157	170,9	117,8
Lương thực, thực phẩm	2.127.711	2.251.361	13.756.784	171,4	123,3
Hàng may mặc	100.259	101.855	683.745	151,0	94,8
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	191.716	197.672	1.376.818	131,5	106,7
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	83.604	90.479	518.771	133,6	94,4
Gỗ và vật liệu xây dựng	1.376.028	1.495.268	7.769.336	219,9	120,6
Ô tô các loại	15.544	17.209	104.341	152,7	127,0
Phương tiện đi lại (trừ ô tô, kể cả phụ tùng)	326.993	339.295	2.469.396	130,0	122,5
Xăng, dầu các loại	284.575	290.117	1.792.714	161,5	107,7
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	21.330	21.580	169.451	84,8	86,2
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	160.683	167.168	1.063.513	135,2	100,9
Hàng hóa khác	73.515	82.715	461.844	163,3	119,1
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	143.997	152.562	941.444	130,5	110,2

6. Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống, du lịch lữ hành và dịch vụ khác
(Tháng 7 năm 2022)

	<i>Triệu đồng</i>				
	Thực hiện tháng trước tháng báo cáo	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	782.953	825.435	5.157.918	181,2	126,7
Dịch vụ lưu trú	120.474	137.031	569.047	900,0	224,4
Dịch vụ ăn uống	662.479	688.404	4.588.871	156,3	120,2
Du lịch lữ hành	10.541	15.918	42.566	630,1	295,4
Dịch vụ khác	438.663	450.636	3.005.788	125,2	112,0

7. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số Đô la Mỹ
(Tháng 7 năm 2022)

	Chỉ số giá tháng báo cáo so với:				%
	Kỳ gốc 2019	Cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Tháng trước	Chỉ số giá bình quân kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	110,76	104,61	103,42	100,09	104,66
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	113,50	104,28	102,57	100,37	103,36
<i>Trong đó:</i>					
Lương thực	118,08	103,20	102,17	100,85	102,29
Thực phẩm	110,49	103,13	101,42	100,49	101,28
Ăn uống ngoài gia đình	117,90	106,77	104,86	100,00	107,64
Đồ uống và thuốc lá	107,77	105,42	104,91	100,06	105,16
May mặc, giày dép và mũ nón	102,80	100,26	100,16	100,22	99,96
Nhà ở và vật liệu xây dựng	120,40	104,83	104,69	101,11	106,18
Thiết bị và đồ dùng gia đình	101,68	101,99	101,33	100,84	101,63
Thuốc và dịch vụ y tế	101,58	100,00	100,00	100,00	100,00
<i>Trong đó: Dịch vụ y tế</i>	102,17	100,00	100,00	100,00	100,00
Giao thông	120,92	117,01	112,42	96,56	120,13
Bưu chính viễn thông	97,61	100,00	100,00	100,00	99,94
Giáo dục	102,79	100,15	100,15	100,00	100,68
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	101,11	100,00	100,00	100,00	100,00
Văn hoá, giải trí và du lịch	96,90	103,50	103,55	102,62	101,92
Hàng hóa và dịch vụ khác	104,46	101,72	101,71	100,26	101,31
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	137,36	103,20	102,25	97,53	102,75
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	100,84	101,60	102,22	100,59	99,84

8. Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải
(Tháng 7 năm 2022)

	<i>Triệu đồng</i>				
	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
TỔNG SỐ	354.496	2.346.587	96,6	141,7	98,3
Vận tải hành khách	62.458	292.155	105,5	512,0	139,6
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	3.808	13.777	112,0	12.693,3	667,2
Đường thủy nội địa	6.509	22.897	131,8	1.865,1	269,2
Đường bộ	52.141	255.481	102,5	441,2	128,6
Hàng không	-	-	-	-	-
Vận tải hàng hóa	248.310	1.717.266	93,5	131,8	94,3
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	19.470	197.390	50,7	132,5	173,3
Đường thủy nội địa	2.582	13.179	109,7	82,1	62,5
Đường bộ	226.258	1.506.697	100,7	132,6	89,3
Hàng không	-	-	-	-	-
Dịch vụ hỗ trợ vận tải	43.728	337.166	102,9	88,2	94,9

9. Vận tải hành khách và hàng hoá (Tháng 7 năm 2022)

	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với tháng trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
A. HÀNH KHÁCH					
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	1.290	5.656	114,6	498,7	123,7
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	31	112	112,0	11.806,7	807,3
Đường thủy nội địa	516	1.830	138,4	1.606,9	221,0
Đường bộ	743	3.715	102,5	328,5	99,6
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn lượt HK.km)	58.967	294.106	103,1	345,4	97,5
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	431	1.559	112,0	12.463,4	871,8
Đường thủy nội địa	1.412	4.994	131,8	1.748,2	240,5
Đường bộ	57.124	287.552	102,5	336,3	96,1
Hàng không	-	-	-	-	-
B. HÀNG HÓA					
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	974	6.737	100,0	106,7	74,9
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	9	95	50,5	137,6	181,3
Đường thủy nội địa	27	130	112,4	129,8	91,8
Đường bộ	937	6.512	100,7	105,9	73,9
Hàng không	-	-	-	-	-
II. Luân chuyển (Nghìn tấn.km)	113.352	783.906	93,2	122,3	80,2
Đường sắt	-	-	-	-	-
Đường biển	9.294	93.591	50,7	138,8	181,2
Đường thủy nội địa	230	1.163	111,0	85,5	62,6
Đường bộ	103.829	689.151	100,7	121,1	74,6
Hàng không	-	-	-	-	-

10. Trật tự, an toàn xã hội
(Tháng 7 năm 2022)

	Sơ bộ kỳ báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo	Kỳ báo cáo so với kỳ trước (%)	Kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)
Tai nạn giao thông					
Số vụ tai nạn giao thông (Vụ)	14	87	116,7	58,3	76,3
Đường bộ	14	86	116,7	58,3	76,1
Đường sắt	-	-			
Đường thủy	-	1			
Số người chết (Người)	11	78	91,7	50,0	90,7
Đường bộ	11	61	91,7	50,0	71,8
Đường sắt	-	-			
Đường thủy	-	17			
Số người bị thương (Người)	5	54	100,0	38,5	75,0
Đường bộ	5	54	100,0	38,5	75,0
Đường sắt	-	-			
Đường thủy	-	-			
Cháy, nổ					
Số vụ cháy, nổ (Vụ)	7	18	700,0	43,8	38,3
Số người chết (Người)	-	-			
Số người bị thương (Người)	-	-			
Tổng giá trị tài sản thiệt hại ước tính (Triệu đồng)	1.461	255.731	0,6	49,3	5.515,1